

**TÒA ÁN NH2 DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2019/HS-ST
Ngày 25 - 6 - 2019

**NH2 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH2 DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông D Văn Bản

Các Hội thẩm nH2 dân: Ông Lưu Xuân Hiến

Bà Trịnh Thị Minh Ty

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung, Thư ký Tòa án nH2 dân thành phố Sông Công

- Đại diện Viện kiểm sát nH2 dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nH2 dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Trung Th, sinh ngày 07 tháng 02 năm 1979 tại Đ, Phú T2; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố L, phường B thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thế Đ và bà Vũ Thị Ng; có vợ là Nguyễn Thị Lan H và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 20/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ dân phố L, phường B, thành phố S.

(Có mặt)

2. Dương Ngọc T, sinh ngày 13 tháng 11 năm 1992 tại S, Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố U, phường T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn

giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Đình N và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Dương Thị N và có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 08/02/2018, Công an thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc với mức phạt 1.500.000đ.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 20/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Tổ dân phố U, phường T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Trần Văn S, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1976 tại S, Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố K, phường T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hoá: 3/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị N; có vợ là Đặng Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Tổ dân phố U, phường T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

4. Lê Đức T2, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1984 tại S, Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố D, phường Thắng Lợi, thành phố S tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đức Ng và bà Dương Thị D; có vợ là D Thị O và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không có.

nhân thân: Bản án số 24/2012/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Phổ Yên xử phạt Lê Đức T2 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 20/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại TDP D, phường T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

5. Dương Văn H, sinh ngày 21 tháng 09 năm 1993 tại P, Thái Nguyên; Nơi ĐKHKTT: xóm Đ, xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Quốc H và bà Vũ Thị L; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 20/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm Đ, xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

6. Đồng Văn H2, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1991 tại P, Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: xóm Trại, xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đồng Văn N và bà Vũ Thị H; có vợ: Ngô Thị L, con: có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Ngày 08/02/2018, Công an thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc .

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 20/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm Trại, xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

7. Đặng Tuấn D, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1990 tại S, Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: TDP A2, M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công Nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng H Sơn và bà Dương Thị T; có vợ là Cao Thị H; con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 20/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ dân phố A 2, phường M, thành phố S.

(Có mặt)

8. Nguyễn Viết T3, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1992 tại P, Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố D, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Viết T và bà Hoàng Thị Q; có vợ là Trần Thị Hương C và 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Tổ dân phố D, phường B, thị xã , tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

9. Nguyễn Văn H3, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1992 tại Phổ Yên, Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: xóm H, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Lưu Kim S; có vợ là Trần Thị Nha Tr và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2019 đến ngày 20/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm H, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

10. Vũ Đức T4, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1988 tại Sông Công, Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Tổ 5, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn Th và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không có.

nhân thân: 01/01/2009, Công an thị xã (nay là thành phố) Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc số tiền 1.000.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 20/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại Tổ 5, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 17/3/2019 Trần Trung Th, Đặng Tuấn D, Vũ Đức T4 sau khi đi đám cưới thì rủ nhau đến nhà Trần Văn S ở tổ dân phố Ứng, phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công để đánh bạc. Th bảo D gọi điện rủ Lê Đức T2 thì T2 đang ngồi uống rượu với D Ngọc Th, D Văn H nên T2 nói luôn với D Th và H biết và đều nhất trí. Đến khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày Trần Th, D, T4, D Th đến nhà Trần Văn S, thấy S đang ngồi ở tầng 1 thì D T hỏi S “*chúng em lên tầng chơi tý*” ý là xin S cho mọi người đánh bạc, S đồng ý, thì cả 4 người đi đến phòng ngủ tầng 2 đối diện cầu thang, trong phòng đã có 10 tấm thảm đặt ở nền phòng, 01 bộ tứ lơ khơ cả nhóm ngồi xuống tấm thảm để đánh ba cây sát phạt nhau bằng tiền.

Cách thức chơi “Ba cây” như sau: Từ bộ tứ lơ khơ trên, loại bỏ các quân bài 10, J, Q, K, dùng 36 quân bài từ 9 trở xuống trộn đều lên rồi chia theo vòng cho mỗi người 3 quân để cộng tổng điểm, điểm của bài là số của hàng đơn vị trong tổng điểm cộng được, nếu hàng đơn vị là 0 thì bài đó được tính là 10 điểm và là bài có điểm cao nhất (ví dụ bài có 7, 8, 9 thì tổng là 24, tức là 4 điểm, nếu bài có 5,7,8 tổng là 20, điểm được tính là 10...), trong số những người chơi, có một người làm chương và chương được bàn giao cho người được 10 điểm, những người chơi còn lại so sánh điểm với bài của chương, nếu thắng thì được chương trả tiền bằng số tiền đã đặt là 20.000đ, thua thì bị mất số tiền đã đặt

cược, ngoài ra những người chơi có thể thỏa thuận để độ điểm riêng với nhau hoặc nH2 đôi số tiền pH3 trả khi bài đạt điểm 9, 10 (gọi là tới).

Khoảng 13 giờ cùng ngày có Đồng Văn H2, D Văn H, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Viết T3 đến và cùng tham gia đánh bạc, từ lúc này thống nhất tăng số tiền đánh bạc lên 50.000đ/ván và “Tới” là 100.000đ. Đến khoảng 14h thì Lê Đức T2 đến và tham gia đánh bạc, trong lúc các đối tượng đang đánh bạc, thấy Trần Văn S đi vào phòng, T2 nói “*Mỗi người bỏ một trăm cho chủ nhà*” thì Trần Th, T4, D T, D, H2, H và H3 mỗi người lấy 100.000đ từ tiền đánh bạc của mình để xuống cH, H đếm số tiền được 700.000đ đưa cho S, một lát sau H3 có việc nên đi về trước.

Khi các đối tượng còn lại tiếp tục đánh bạc theo quy ước trên đến 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác của Công an thành phố Sông Công phát hiện lập biên bản thu giữ vật chứng gồm: 7.455.000 đ là số tiền đánh bạc trên cH bạc được để trong 01 chiếc siêu nhôm, 31 quân tú lơ khơ, 10 tấm thảm các đối tượng dùng làm cH bạc. Quá trình làm việc thu giữ của Đồng Văn H2 1.100.000đ là tiền đánh bạc và 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J2; thu giữ của Lê Đức T2 1.000.000đ là tiền đánh bạc và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6; thu giữ của Vũ Đức T4 916.000đ là tiền đánh bạc và 01 điện thoại Nokia 110i; thu giữ của D Văn H 330.000đ là tiền đánh bạc và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6; thu giữ của Trần Trung Th 100.000đ là tiền đánh bạc; thu giữ của D Ngọc T 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5; thu giữ của Đặng Tuấn D 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6; thu giữ của Trần Văn S 716.000đ trong đó có 700.000 đ là tiền thu lời từ số tiền đánh bạc và 01 điện thoại Nokia 150. Ngoài ra tạm giữ của D Ngọc T 2.000.000đ tiền cá nH2 không sử dụng vào việc đánh bạc, tạm giữ của Đặng Tuấn D 52.000đ là tiền cá nH2 không sử dụng vào việc đánh bạc.

Ngày 18/3/2019, Nguyễn Văn H3 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố đầu thú và tự nguyện giao nộp 3.000.000đ là tiền H3 đã dùng để đánh bạc. Như vậy tổng số tiền đánh bạc là 14.601.000 đ gồm 7.455.000 đ thu giữ trên cH, và 7.146.000 đ thu giữ trên người các đối tượng và có căn cứ xác định là tiền đánh bạc

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Về vật chứng của vụ án bao gồm:

- Số tiền 16.669.000đ tiền mặt trong đó có 14.617.000 đ tiền đánh bạc, số tiền không sử dụng vào việc đánh bạc là 2.052.000đ;
- 31 (Ba mươi một) quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng;

- 10 (Mười) tấm thảm trải sàn, có cùng kích thước (60x60) cm, trong đó có 09 tấm màu xám và 01 tấm màu đỏ, đã qua sử dụng;

- 01 (Một) chiếc siêu đun nước bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng.

- 01 thùng bìa cát tông dán niêm phong ký hiệu K

- 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J2 màu vàng có số IMEI1: 351816101433112, IMEI2: 351817101433110 của Đồng Văn H2, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEI: 359299068556799 của Lê Đức T2, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 110i, số sê ri: 358655018960582 của Vũ Đức T4, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEI: 352075067468286 của Đặng Tuấn D, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5 màu vàng có số IMEI: 01343400392981 của D Ngọc T, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 150 màu đen, số sê ri 1: 354894088456668, số sê ri 2: 3548 94088456676 của Trần Văn S, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, số IMEI: 359301066625103 của D Văn H để đảm bảo thi hành án.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 31/5/2019 Viện kiểm sát nH2 dân thành phố Sông Công đã truy tố các bị cáo Trần Trung Th, Lê Đức T2, Vũ Đức T4, D Văn H, Đồng Văn H2, Đặng Tuấn D, D Ngọc T, Nguyễn Văn H3, Trần Văn S, Nguyễn Viết T3 về tội "*Đánh bạc*" theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Trung Th, Lê Đức T2, Vũ Đức T4, D Văn H, Đồng Văn H2, Đặng Tuấn D, D Ngọc T, Nguyễn Văn H3, Trần Văn S, Nguyễn Viết T3 phạm tội "*Đánh bạc*".

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, Điều 51, Bộ luật hình sự. Xử phạt Đồng Văn H2 từ 06- 09 tháng tù; phạt bổ sung 10 triệu đồng

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt D Ngọc T từ 03- 06 tháng tù; phạt bổ sung 10 triệu đồng

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Đức T2 từ 12 - 15 tháng tù; nhưng cho hưởng án treo; phạt bổ sung 10 triệu đồng

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i,s khoản 1, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Văn S, Vũ Đức T4, Nguyễn Viết T3 từ 09- 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; phạt bổ sung mỗi bị cáo 10 triệu đồng

- Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i,s khoản 1, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Trung Th, Đặng Tuấn D, D Văn H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; phạt bổ sung mỗi bị cáo 10 triệu đồng

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn H3 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; phạt bổ sung 10 triệu đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 31 quần bài tú lơ khơ, 10 tấm thảm, 01 siêu đun nước, 01 thùng bìa cát tông.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền dùng để đánh bạc 14.617.000đ

- Tạm giữ 07 điện thoại để đảm bảo Thi hành án

- Tạm giữ số tiền 2000.000 đồng của bị cáo D Ngọc T và 52.000đ Đặng Tuấn D để đảm bảo thi hành án.

Tại phần tranh luận, các bị cáo khác không có tranh luận gì và đều thừa nhận nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo nói lời sau cùng, đều xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng hình phạt nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nH2 dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với nhau, và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản khám

nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Từ khoảng 12 giờ 45 phút đến 16 giờ 30 ngày 17/3/2019, tại nhà Trần Văn S ở tổ dân phố Kè, phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, S đồng ý cho 9 người gồm Trần Trung Th, Lê Đức T2, Vũ Đức T4, D Văn H, Đồng Văn H2, Đặng Tuấn D, D Ngọc T, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Việt T3 dùng phòng ngủ tầng hai của gia đình S để đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh “ba cây” với tổng số tiền đánh bạc là 14.617.000 đ thì bị phát hiện bắt quả tang, tạm giữ vật chứng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành của tội “Đánh bạc” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần pH3 xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đối với các bị cáo là phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

[4] Xét vai trò, nH2 tH2 và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng:

Vai trò : Đây là vụ án các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội mang tính bột phát, Đây là vụ án mà các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất, pH2 công thực hiện hành vi phạm tội từ trước, mà chỉ bột phát không có người cầm đầu, tổ chức. Về cơ bản, các bị cáo đều là người lao động thuần túy, do ham vui, tH hiểu biết nên vi phạm pháp luật hình sự.

Về nH2 tH2: Các bị cáo D Ngọc T, Đồng Văn H2, Lê Đức T2, Vũ Đức T4 được xác định là chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nH2 tH2 xấu. Bị cáo Lê Đức T2 đã từng bị kết án về tội đánh bạc, các bị cáo D Ngọc T, Đồng Văn H2, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, thời gian được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này chưa đủ 06 tháng.

Các bị cáo còn lại đều có nH2 tH2 tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó cả 10 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Trần Trung Th, Nguyễn Văn H3, Trần Văn S, D Văn H, Đặng Tuấn D, Nguyễn Viết T3, Vũ Đức T4, D Ngọc T, Đồng Văn H2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó các bị cáo này được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn H3 sau khi thực hiện hành vi đánh bạc tại nhà bị cáo S đã bỏ về trước đến ngày hôm sau đã ra cơ quan công an đầu thú nên bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn T2 có bố được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều không pH3 chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nH2 tH2 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để xem xét quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Lê Đức T2 chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo T2 đã từng bị kết án về tội đánh bạc; Các bị cáo D Ngọc T, Đồng Văn H2, là người đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, cải tạo trở thành người công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung; Tuy nhiên bị cáo D Ngọc T trong giai đoạn chuẩn bị xét xử có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền xác nhận điều này cho thấy trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo đã chấp đầy đủ các chính sách pháp luật của nhà nước cũng như các quy định của địa phương đề ra nên HĐXX sẽ xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Đối với các bị cáo Trần Trung Th, Trần Văn S, Đặng Tuấn D, Nguyễn Việt T3, D Văn H, Nguyễn Văn H3 đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nH2 tH2 tốt, có nơi cư trú ổn định và cũng có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận, Nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Vũ Đức T4 tuy đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, nhưng thời gian đã lâu (2009) đến khi phạm tội lần này đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính thời hạn đã quá nhiều năm, nên đối cH với Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn cho điều 65 của BLHS thì cũng được xác định là có nH2 tH2 tốt phạm tội lần thuộc trường hợp ít nghiêm trọng Nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Lê Đức T2 tuy không có tiền án tiền sự nhưng năm 2012 đã bị Tòa án ND huyện (nay là thị xã) Phổ Yên xử phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo và thời gian thử thách là 12 tháng, tính đến ngày phạm tội lần này 17/3/2019 đã được xóa án tích và quá 06 tháng; Tuy nhiên bị cáo vẫn phạm tội “Đánh bạc” nên không thể cho bị cáo hưởng án treo theo đề quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; Bởi lẽ lần phạm tội lần này của bị cáo đã không thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hơn nữa để thể hiện tính nghiêm minh, thượng tôn pháp luật cũng như tính răn đe đối với những bị cáo đã nhiều lần phạm cùng một tội nên lần này cần pH3 cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 31 quân bài tú lơ khơ, 10 tấm thảm 01 siêu đun nước, 01 thùng bìa cát tông xác định không còn giá trị và giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền dùng để đánh bạc Số tiền đánh bạc 14.617.000 đ gồm 7.455.000 đ thu giữ trên cH, và 7.162.000 đ thu giữ trên người các đối tượng có căn cứ xác định là tiền dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 2.052.000 xác định là tiền của bị cáo D Ngọc T 2.000.000đ và của bị cáo Đặng Tuấn D 52.000đ là tiền riêng của cá nH2 các bị cáo nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay xác định 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEI: 359299068556799 của Lê Đức T2, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEI: 352075067468286 của Đặng Tuấn D là 02 chiếc điện thoại đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Còn lại : 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J2 màu vàng có số IMEI1: 351816101433112, IMEI2: 351817101433110 của Đồng Văn H2, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 110i, số sê ri: 358655018960582 của Vũ Đức T4, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5 màu vàng có số IMEI: 01343400392981 của D Ngọc T, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 150 màu đen, số sê ri 1: 354894088456668, số sê ri 2: 3548 94088456676 của Trần Văn S, đã qua sử dụng. 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, số IMEI: 359301066625103 của D Văn H, Hội đồng xét xử xác định những chiếc điện thoại trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung: do hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích thu lời bất chính nên cần phạt bổ sung đối với tất cả 10 bị cáo.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo PH3 chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Trung Th, Lê Đức T2, Vũ Đức T4, D Văn H, Đồng Văn H2, Đặng Tuấn D, Dương Ngọc T, Nguyễn Văn H3, Trần Văn S, Nguyễn Viết T3 phạm tội “*Đánh bạc*”. .

1.1. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Bộ luật hình sự

Xử phạt: bị cáo, Lê Đức T2 **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 20/3/2019.

Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

1.2 Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i,s khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 54 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Dương Ngọc T **03** (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 20/3/2019.

Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

1.3 Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i,s khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đồng Văn H2 **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/3/2019 đến ngày 20/3/2019.

Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước

1.4. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: bị cáo Trần Trung Th **07** (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **14** (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Trung Th cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: bị cáo Đặng Tuấn D **07** (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **14** (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Đặng Tuấn D cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố S tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: bị cáo D Văn H **07** (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **14** (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo D Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã P tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Nguyễn Viết T3 **09** (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Viết T3 cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã P tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn S **09** (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Văn S cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố S tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: bị cáo Vũ Đức T4 **10**(mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **20** (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Đức T4 cho Ủy ban nhân dân phường L thành phố S tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.5. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn H3 **06** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H3, cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo PH3 chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài 31 quân bài tứ lơ khơ, 10 tấm thảm có cùng kích thước (60x60) cm, 01 siêu đun nước bằng kim loại màu trắng, 01 thùng bìa cát tông.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 14.617.000 đ (*Mười bốn triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng*); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEI: 359299068556799 của **Lê Đức T2**, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng có số IMEI: 352075067468286 của **Đặng Tuấn D**.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 2.000.000 đ của bị cáo D Ngọc T và 52.000đ của bị cáo **Đặng Tuấn D** ; 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J2 màu vàng có số IMEI1: 351816101433112, IMEI2: 351817101433110 của **Đồng Văn H2**, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 110i, số sê ri: 358655018960582 của **Vũ Đức T4**, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5 màu vàng có số IMEI: 01343400392981 của **D Ngọc T**, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 150 màu đen, số sê ri 1: 354894088456668, số sê ri 2: 3548 94088456676 của **Trần Văn S**, đã qua sử dụng. 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, số IMEI: 359301066625103 của **D Văn H**,

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/6/2019 giữa Công an thành phố Sông Công và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Trung Th, Lê Đức T2, Vũ Đức T4, D Văn H, Đồng Văn H2, Đặng Tuấn D, D Ngọc T, Nguyễn Văn H3, Trần Văn S, Nguyễn Việt T3 mỗi bị cáo pH3 chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Sông Công;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an TP Sông Công;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Sông Công;
- Bị cáo;
- UBND xã; phường;
- (Thông báo kết quả xét xử);*
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

D Văn Bản